TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2018
"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Ngọc Bích

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Kh ph 5, thị trấn Th B, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Danh Quang H, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Kh ph 5, thị trấn Th B, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Nh trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Danh Quang H chung sống với nhau vào ngày 18/7/2011, đến khi anh chị có đăng ký kết hôn. Anh chị có 01 đứa con chung tên Danh Phạm Thanh T, sinh ngày 09/3/2011, anh chị không có tài sản chung. Quá trình chung

sống anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cự cải với nhau và đánh đập nhau, không thể hàn gắn với nhau được nữa chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Danh Quang H. Về quan hệ con chung: Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Danh Phạm Thanh T, sinh ngày 09/3/2011, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ không có, chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 03/7/2018, Danh Phạm Thanh T có nguyện vọng như sau*: Khi cha mẹ là anh Danh Quang H và chị Phạm Thị Nh ly hôn thì Danh Phạm Thanh T có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Phạm Thị Nh.

* Tại biên bản xác minh ngày 09/7/2018, biết được: Chị Nh và anh H chung sống với nhau thường xảy ra mâu thuẩn, cự cải với nhau do anh H thường xuyên vắng nhà, không quan tâm, chăm sóc gia đình, từ khi anh chị ly thân đến nay con chung của anh chị chung sống với chị Nh.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh H biết và ấn định thời gian để anh H có ý kiến về việc khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nh đối với anh nhưng anh H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cần, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ thông báo nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H, nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

** Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Danh Quang H. Về con, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Danh Phạm Thanh T, sinh ngày 09/3/2011 theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không có, chị không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Danh Quang H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

- Kiểm sát viện phát biểu về thực hiện tố tụng và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án: Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ, xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội

đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia phiên họp, phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, chị Nh và anh H chung sống với nhau vào ngày 18/7/2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Th B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến chị Nh và anh H ly thân nhau nên mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nh được ly hôn với anh H; về con chung, anh chị có được 01 đứa con chung tên Danh Phạm Thanh T, sinh ngày 09/3/2011. Từ khi anh chị ly thân đến nay chị Nh nuôi dưỡng và con của anh chị có nguyên vọng khi anh chị ly hôn yêu cầu được sống với mẹ là chị Phạm Thị Nh, thấy yêu cầu được nuôi con của chị Nh phù hợp với nguyện vọng của con anh chị và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh chị cho chị Nh nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chị Nh không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Nh yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn anh Danh Quang H, tranh chấp về nuôi con là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị Nh khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn anh Danh Quang H, cư trú tại kh ph 5, thị trấn Th B, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh H biết và ấn định thời gian để anh H có ý kiến về việc khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nh đối với anh nhưng anh H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành

hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H, nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do. Đồng thời tại phiên toà lần thứ hai chị Nh không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trợ giúp pháp lý: Anh Danh Quang H là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân huyện An Biên thông báo cho anh H làm đơn yêu cầu Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh nhưng đã hết thời gian Tòa án đã ấn định mà anh H không có ý kiến gì về trợ giúp pháp lý. Do đó, Tòa án không thông báo Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh H và chị Nh chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Uỷ ban nhân dân thị trấn Th B là nơi cư trú của anh chị)* và đươc cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/7/2011, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét yêu cầu của chị Nh xin ly hôn với anh H, thời gian chung sống anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cự cải với nhau và đánh đập nhau là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng. Đồng thời, anh chị đã ly thân nhau thời gian dài không thể hàn gắn với nhau được nữa cho nên hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nh, cho chị Phạm Thị Nh được ly hôn với anh Danh Quang H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về quan hệ con chung, anh H và chị Nh có 01 đứa con chung tên Danh Phạm Thanh T, sinh ngày 09/3/2011, hiện nay chị Nh nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Nh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và con của anh chị có nguyện vọng chung sống với chị Nh khi anh chị ly hôn. Thấy rằng, yêu cầu của chị Nh và nguyện vọng của con anh chị là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nghỉ nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của chị

Nh, giao con chung của anh chị tên Danh Phạm Thanh T, sinh ngày 09/3/2011 cho chị Phạm Thị Nh tiếp tục nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nh không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[8] Về tài sản và nợ chung không có, anh H và chị Nh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[9] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Nh được ly hôn với anh Danh Quang H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Danh Phạm Thanh T, sinh ngày 09/3/2011 cho chị Phạm Thị Nh tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị Danh Phạm Thanh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản và nợ chung: Không có, chị Nh và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005534 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên. Chị Phạm Thị Nh nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/10/2018. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND thị trấn Th B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Thảo).

Võ Thanh Huyến